TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/DS-ST
Ngày: 27/02/2024
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vũ Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Vân

2. Bà Nguyễn Thị Huyền Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2022/TLST- DS ngày 14 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A; Trụ sở: 41 và 45 đường A, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Trung H, sinh năm 1981; địa chỉ: lầu 7, số 40A – 40B, đường B, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh – Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 207/2022/UQ – OC ngày 16/9/2022) – có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Lê Thanh N, sinh năm 1979

2. Bà Dương Thị Thu T, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ thường trú: 13 đường Bình Thới, Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2022 và Bản tự khai, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Hồ Trung H trình bày:

Nguyên vào ngày 26/10/2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng OC) và ông Lê Thanh N, bà Dương Thị Thu T có ký kết Hợp đồng tín dụng số TDCN21003383/2021/CTB/HĐTD ngày 26/10/2021. Theo nội dung thỏa thuận, ông N và bà T vay số tiền 955.000.000 đồng, mục đích mua xe ô tô, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày 27/10/2021 – ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay là 9.4%/năm, áp dụng trong 12 tháng đầu, từ tháng 13 trở đi, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên vào ngày 27/10/2022, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân cho ông N bà T số tiền vay nêu trên theo Khế ước nhận nợ số TDCN21003383/2021/CTB/KUNN ngày 27/10/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên vào ngày 10/5/2022, Ngân hàng đã chuyển số dư nợ gốc sang nợ quá hạn. Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà T phải thanh toán ngay số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 18/8/2023 là 1.123.291.661 đồng, trong đó nợ gốc là 886.785.979 đồng, nợ lãi là 236.505.682 đồng (lãi trong hạn là 159.813.272 đồng, lãi quá hạn là 76.692.410 đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 19/8/2023, ông N, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng mà ông N, bà T đã ký kết cho đến khi ông N, bà T trả dứt khoản tiền còn nợ nêu trên. Trường hợp, ông N, bà T thanh toán không đủ hoặc không thanh toán số tiền còn nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành án đối với ông N, bà T.

Tại phiên tòa hôm nay, Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: buộc ông N, bà T phải thanh toán ngay số tiền còn nợ tính đến ngày 27/02/2024 là 1.216.979.993 đồng, trong đó nợ gốc là 886.785.979 đồng, nợ lãi là 330.194.014 đồng (lãi trong hạn là 222.272.160 đồng, lãi quá hạn là 107.921.854 đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 28/02/2024, ông N, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng mà ông N, bà T đã ký kết cho đến khi ông N, bà T trả dứt khoản tiền còn nợ nêu trên. Trường hợp, ông N, bà T thanh toán không đủ hoặc không thanh toán số tiền còn nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành án đối với ông N, bà T.

Hiện nay, Ngân hàng chưa xác định được thông tin vị trí của xe ô tô biển số

51K.003.77, hiệu VINFAST, loại LUX.A2.0 và Ngân hàng vẫn chưa yêu cầu Tòa án giải quyết đối với xe ô tô biển số 51K.003.77, hiệu VINFAST, loại LUX.A2.0.

* *Đối với bị đơn ông Lê Thanh N và bà Dương Thị Thu T:* Trong quá trình giải quyết vụ án ông N, bà T không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng OC. Tòa án nhân dân Quận 11 đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt tại Tòa án nên Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn tống đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn theo khoản 1 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát Quận 11 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng OC về việc buộc buộc ông N, bà T phải thanh toán ngay số tiền còn nợ tính đến ngày 27/02/2024 là 1.216.979.993 đồng, trong đó nợ gốc là 886.785.979 đồng, nợ lãi là 330.194.014 đồng (lãi trong hạn là 222.272.160 đồng, lãi quá hạn là 107.921.854 đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 28/02/2024, ông N, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng mà ông N, bà T đã ký kết cho đến khi ông N, bà T trả dứt khoản tiền còn nợ nêu trên. Trường hợp, ông N, bà T thanh toán không đủ hoặc không thanh toán số tiền còn nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành án đối với ông N, bà T.

Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

* *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Tranh chấp giữa Ngân hàng OC và ông Lê Thanh N và bà Dương Thị Thu T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn là ông Lê Thanh N và bà Dương Thị Thu T có đăng ký thường trú tại địa chỉ số 133 đường Bình Thới, Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

** Về người tham gia tố tụng:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Trung H có mặt; bị đơn ông Lê Thanh N và bà Dương Thị Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về chứng cứ của vụ án:

Nguyên đơn cung cấp Khế ước nhận nợ số TDCN21003383/2021/CTB/KUNN ngày 27/10/2021; Hợp đồng tín dụng số TDCN 21003383/2021/CTB/HĐTD ngày 26/10/2021, tài liệu chứng cứ khác về tình trạng pháp lý của nguyên đơn, nhân thân của bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn các thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn không đến Tòa án và không gửi văn bản trình bày ý kiến, tham gia phiên họp, phiên hòa giải; bị đơn không có văn bản phản đối nội dung và tính pháp lý của tài liệu là chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng tín dụng số TDCN 21003383/2021/CTB/HĐTD ngày 26/10/2021; Khế ước nhận nợ số TDCN21003383/2021/CTB/KUNN ngày 27/10/2021 là chứng cứ để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng, xem xét cùng với các chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hợp đồng tín dụng số TDCN 21003383/2021/CTB/HĐTD ngày 26/10/2021; Khế ước nhận nợ số TDCN21003383/2021/CTB/KUNN ngày 27/10/2021 do Ngân hàng OC và ông Lê Thanh N và bà Dương Thị Thu T ký kết thể hiện sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định

của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 400 và Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2015.

** Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc:*

Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 886.785.979 đồng. Xét, theo Hợp đồng tín dụng số TDCN 21003383/2021/CTB/HĐTD ngày 26/10/2021; Khế ước nhận nợ số TDCN21003383/2021/CTB/KUNN ngày 27/10/2021, Ngân hàng OC đã đã giải ngân cho ông N bà T số tiền vay 955.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía ông N bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và vào ngày 10/5/2022, Ngân hàng OC đã chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Quá trình giải quyết vụ án, ông N bà T không đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu và xuất trình tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nguyên đơn chỉ yêu cầu ông N bà T có trách nhiệm thanh toán khoản nợ tín dụng nêu trên cho nguyên đơn, ngoài ra không yêu cầu ai khác phải có trách nhiệm thanh toán.

Xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ nên chấp nhận, phù hợp với Điều 8, Điều 10 của Hợp đồng tín dụng số TDCN 21003383/2021/CTB/HĐTD ngày 26/10/2021.

** Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi:*

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền nợ lãi tính đến ngày 27/02/2024 là 330.194.014 đồng (lãi trong hạn là 222.272.160 đồng, lãi quá hạn là 107.921.854 đồng) và kể từ ngày 28/02/2024, ông N, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng mà ông N, bà T đã ký kết cho đến khi ông N, bà T trả dứt khoản tiền còn nợ nêu trên là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Xét việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn thanh toán khoản tiền còn nợ tính đến ngày 27/02/2024 là 1.216.979.993 đồng, trong đó nợ gốc là 886.785.979 đồng, nợ lãi là 330.194.014 đồng (lãi trong hạn là 222.272.160 đồng, lãi quá hạn là 107.921.854 đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 28/02/2024, ông N, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng mà ông N, bà T đã ký kết cho đến khi ông N, bà T trả dứt khoản tiền còn nợ nêu trên.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị về nội dung và kiến nghị về tố tụng là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Thanh N và bà Dương Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.509.400 (bốn mươi tám triệu năm trăm lẻ chín nghìn bốn trăm) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 19.842.388 (mười chín triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm tám mươi tám) đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A theo biên lai thu số AA/2021/0020560 ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 385, Điều 400, Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 1, 2, 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A về việc yêu cầu ông Lê Thanh N và bà Dương Thị Thu T trả nợ.

Buộc ông Lê Thanh N và bà Dương Thị Thu T thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 27/02/2024 là 1.216.979.993 (một tỷ hai trăm mười sáu triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm chín mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 886.785.979 (tám trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi chín) đồng, nợ lãi là 330.194.014 (ba trăm ba mươi triệu một trăm chín mươi bốn nghìn không trăm mười bốn) đồng, (lãi trong hạn là 222.272.160

đồng, lãi quá hạn là 107.921.854 đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 28/02/2024, ông N, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng mà ông N, bà T đã ký kết cho đến khi ông N, bà T trả dứt khoản tiền còn nợ nêu trên. Trường hợp, ông N, bà T thanh toán không đủ hoặc không thanh toán số tiền còn nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành án đối với ông N, bà T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Thanh N và bà Dương Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.509.400 (bốn mươi tám triệu năm trăm lẻ chín nghìn bốn trăm) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 19.842.388 (mười chín triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm tám mươi tám) đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A theo biên lai thu số AA/2021/0020560 ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lê Thanh N và bà Dương Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thupận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Vũ Vân